

Bản án số: 21/2017/HNGĐ - ST.

Ngày: 14 - 11 - 2017.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H; Sinh năm: 1985; Trú tại: số nhà x, ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Tô Thị C; Sinh năm: 1988; Trú tại: số nhà x, ấp Đ, xã Đ, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 17/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông Trần Văn H và bà Tô Thị C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2011, ngày 22/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông H và bà C sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì ông H và bà C có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Trong thời gian chung sống, ông H và bà C có 01 người con chung là Trần Quang N, sinh ngày

17/6/2011 hiện nay sống chung với bà C; Về tài sản chung thì ông H và bà C có một số tài sản chung, nhưng có giá trị nhỏ nên ông H không yêu cầu gì; Về nợ chung, không có.

- Đối với bị đơn bà Tô Thị C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà C, nhưng bà C không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà C 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng bà C vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Tô Thị C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Tô Thị C chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng ông Trần Văn H và bà Tô Thị C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Tô Thị C; Về con chung, giao cháu Trần Quang N cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà C không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, ông H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung, không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Tô Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Trần Văn H và bà Tô Thị C tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2011, ngày 22/4/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà C là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì ông H và bà C có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý

vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông H và bà C đoàn tụ với nhau, nhưng bà C vẫn vắng mặt và ông H vẫn kiên quyết ly hôn với bà C vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông H và bà C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông H xin ly hôn với bà C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà C.

[3] Về con chung: Ông Trần Văn H xác định trong thời gian chung sống, ông H và bà C có 01 người con chung là Trần Quang N, sinh ngày 17/6/2011. Xét thấy, tại phiên tòa ông H khẳng định từ khi ông H và bà C sống ly thân cho đến nay cháu N do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông H thống nhất giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu N cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tô Thị C không có yêu cầu cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn H mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Ông Trần Văn H xác định trong thời gian chung sống ông H và bà Tô Thị C có một số tài sản chung, nhưng có giá trị nhỏ và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Trần Văn H xác định trong thời gian chung sống ông Hiệp và bà Tô Thị C không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tô Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Tô Thị C được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Quang N, sinh ngày 17/6/2011 cho bà Tô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông H mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Văn H xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008249, ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trần Văn H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tô Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Tô Thị C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung